

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **429** /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **11** tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng 6 tháng cuối năm 2021**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

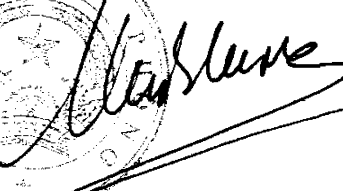
**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ (68 văn bản); Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần (13 văn bản) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng 6 tháng cuối năm 2021.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

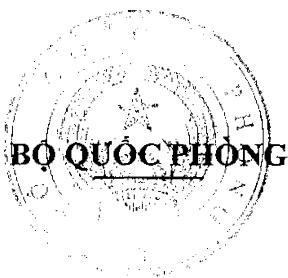
**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *m*

**Nơi nhận:**

- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng BQP;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C20: TTVP, các phòng, Kiểm toán, ban, TT;
- Cục Kiểm tra văn bản/BTP;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC. Nhung 99.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**  


**Thượng tướng Võ Minh Lương**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ  
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng 6 tháng cuối năm 2021  
(Kèm theo Quyết định số 429 /QĐ-BQP ngày 11 /02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

| STT                           | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-------------------------------|------------------|--|---|---|----------------------------|
| <b>1. Lĩnh vực quốc phòng</b> |                  |  |   |   |                            |
| 1                             | Quyết định       | 124/2002/QĐ-BQP<br>16/9/2002                   | Ban hành Định mức dự toán xây dựng công trình chiến đấu (phần công sự, đường hầm) | Được thay thế bằng Thông tư số 86/2021/TT-BQP ngày 13/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Định mức dự toán xây dựng công trình chiến đấu (Mật)          | 01/9/2021                  |
| 2                             | Quyết định       | 32/2003/QĐ-BQP<br>03/4/2003                    | Ban hành Quy chế quản lý công nghệ đóng tàu quân sự                               | Được thay thế bằng Thông tư số 96/2021/TT-BQP ngày 19/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế đóng tàu quân sự (Mật)                                | 05/9/2021                  |
| 3                             | Quyết định       | 95/2003/QĐ-BQP<br>07/8/2003                    | Về việc ban hành Quy trình kỹ thuật dò mìn, xử lý bom mìn, vật nổ                 | Được thay thế bằng Thông tư số 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ | 05/11/2021                 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-----|------------------|--|---|--|----------------------------|
| 4   | Quyết định       | 165/2004/QĐ-BQP<br>13/12/2004                  | Hướng dẫn áp dụng Quy trình kỹ thuật và định mức dự toán dò mìn, xử lý bom mìn vật nổ         | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng             | 14/02/2022                 |
| 5   | Quyết định       | 177/2005/QĐ-BQP<br>04/11/2005                  | Về việc ban hành Bảng giá ca máy và thiết bị thi công dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ           | Được thay thế bằng Thông tư số 122/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn xác định Đơn giá ca máy và thiết bị thi công rà phá bom mìn, vật nổ                            | 05/11/2021                 |
| 6   | Quyết định       | 80/2007/QĐ-BQP<br>03/5/2007                    | Về việc ban hành Bảng giá ca máy và thiết bị thi công dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ dưới biển |  |                            |
| 7   | Quyết định       | 117/2007/QĐ-BQP<br>30/7/2007                   | Về việc ban hành Định mức dự toán rà phá bom mìn, vật nổ                                      | Được thay thế bằng Thông tư số 123/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn xác định Định mức dự toán và quản lý chi phí trong dự toán rà phá bom mìn vật nổ               | 05/11/2021                 |
| 8   | Thông tư         | 243/2011/TT-BQP<br>31/12/2011                  | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng trang bị kỹ thuật (Mật)                                     | Được thay thế bằng Thông tư số 141/2011/TT-BQP ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, sử dụng trang bị kỹ thuật trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ (Mật) | 28/12/2021                 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-----|------------------|--|--|--|----------------------------|
| 9   | Thông tư         | 129/2012/TT-BQP<br>04/12/2012                  | Ban hành Quy chế đóng tàu quân sự  | Được thay thế bằng Thông tư số 96/2021/TT-BQP ngày 19/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế đóng tàu quân sự (Mật)   | 05/9/2021                  |
| 10  | Thông tư         | 154/2013/TT-BQP<br>19/8/2013                   | Về việc ban hành Quy trình kỹ thuật rà phá bom mìn, vật nổ dưới biển   | Được thay thế bằng Thông tư số 121/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy trình kỹ thuật điều tra, khảo sát, rà phá bom mìn vật nổ                        | 05/11/2021                 |
| 11  | Thông tư         | 155/2013/TT-BQP<br>19/8/2013                   | Về việc ban hành Định mức dự toán rà phá bom mìn, vật nổ dưới biển   | Được thay thế bằng Thông tư số 123/2021/TT-BQP ngày 20/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn xác định Định mức dự toán và quản lý chi phí trong dự toán rà phá bom mìn vật nổ   | 05/11/2021                 |
| 12  | Thông tư         | 165/2014/TT-BQP<br>19/11/2014                  | Ban hành Quy chế phối hợp khai thác, sử dụng máy bay Casa-212-400 và hệ thống thiết bị tuần thám biển MSS-6000 | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng | 14/02/2022                 |

| STT                                   | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|---------------------------------------|------------------|--|--|--|----------------------------|
| <b>2. Lĩnh vực công tác chính trị</b> |                  |  |  |  |                            |
| 13                                    | Quyết định       | 03/2006/QĐ-BQP<br>06/01/2006                   | Về việc ban hành tiêu chuẩn chức vụ cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng                | Được thay thế bằng Thông tư số 126/2021/TT-BQP ngày 28/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng   | 02/11/2021                 |
| 14                                    | Thông tư         | 108/2015/TT-BQP<br>25/9/2015                   | Ban hành tiêu chuẩn chức vụ cán bộ chính ủy, chính trị viên cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng | Được thay thế bằng Thông tư số 47/2021/TT-BQP ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Bộ Tổng Tham mưu - Cơ quan Bộ Quốc phòng   | 04/7/2021                  |
| 15                                    | Thông tư         | 111/2015/TT-BQP<br>25/9/2015                   | Về việc ban hành tiêu chuẩn chức vụ cán bộ chính ủy, chính trị viên cơ quan, đơn vị thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng  | Được thay thế bằng Thông tư số 126/2021/TT-BQP ngày 28/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng   | 02/11/2021                 |
| 16                                    | Thông tư         | 69/2014/TT-BQP<br>26/6/2014                    | Quy định tên gọi, cấp bậc quân hàm cao nhất đối với sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ                              | Được thay thế bằng Thông tư số 127/2021/TT-BQP ngày 01/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tên gọi, chức danh tương đương, cấp bậc quân hàm cao nhất đối với sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam (Mật) | 15/11/2021                 |

| STT                                 | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-------------------------------------|------------------|--|---|--|----------------------------|
| 17                                  | Thông tư         | 88/2014/TT-BQP<br>02/7/2014                    | Quy định và hướng dẫn thể thức, kỹ thuật trình bày, quản lý văn bản quyết định nhân sự cán bộ trong Quân đội  | Được thay thế bằng Thông tư số 120/2021/TT-BQP ngày 12/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thể thức, kỹ thuật trình bày và đăng ký, quản lý quyết định về nhân sự cán bộ trong Bộ Quốc phòng | 01/11/2021                 |
| 18                                  | Thông tư         | 182/2017/TT-BQP<br>03/8/2017                   | Hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp Quân đội chi trả tiền lương tháng và kinh phí đóng bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong thời gian nghỉ chuẩn bị hưu | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng               | 14/02/2022                 |
| 18                                  | Thông tư         | 216/2017/TT-BQP<br>11/9/2017                   | Ban hành tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Binh chủng Thông tin liên lạc  | Được thay thế bằng Thông tư số 136/2021/TT-BQP ngày 23/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Binh chủng Thông tin liên lạc                                    | 08/12/2021                 |
| <b>3. Lĩnh vực công tác hậu cần</b> |                  |  |   |  |                            |
| 19                                  | Quyết định       | 1574/2003/QĐ-BQP<br>06/8/2003                  | Thành lập Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Bộ Quốc phòng và ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ủy ban (Ban) Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp trong Quân đội          | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng               | 14/02/2022                 |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|--|------------------|--|--|--|----------------------------|
| <b>4. Lĩnh vực công tác kỹ thuật</b>         |                  |  |  |  |                            |
| 20   | Thông tư         | 102/2016/TT-BQP<br>29/6/2016                   | Quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới trong Bộ Quốc phòng   | Được thay thế bằng Thông tư số 169/2021/TT-BQP ngày 23/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong Bộ Quốc phòng                        | 08/02/2022                 |
| 21   | Thông tư         | 172/2018/TT-BQP<br>27/12/2018                  | Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 102/2016/TT-BQP ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng  |  |                            |
| 22   | Thông tư         | 102/2021/TT-BQP<br>22/7/2021                   | Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 102/2016/TT-BQP ngày 29/6/2016 và Thông tư số 172/2018/TT-BQP ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng |  |                            |
| <b>5. Lĩnh vực công tác giáo dục đào tạo</b> |                  |  |  |  |                            |
| 23   | Quyết định       | 39/2003/QĐ-BQP<br>22/4/2003                    | Ban hành Quy chế tổ chức đào tạo, quản lý học viên quân sự nước ngoài trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam                                      | Được thay thế bằng Thông tư số 135/2021/TT-BQP ngày 18/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý, đào tạo học viên quân sự nước ngoài trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam (Mật) | 05/12/2021                 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-----|------------------|--|--|---|----------------------------|
| 24  | Quyết định       | 2461/2010/QĐ-BQP<br>13/7/2010                  | Về việc ban hành Chương trình khung đào tạo cán bộ cấp chiến thuật, chiến dịch   | Được thay thế bằng Thông tư số 69/2021/TT-BQP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung đào tạo theo chức vụ cho các đối tượng của học viện Lục quân (Mật) | 05/8/2021                  |
| 25  | Thông tư         | 72/2014/TT-BQP<br>27/6/2014                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học cho các đối tượng của Học viện Phòng không - Không quân   | Được thay thế bằng Thông tư số 132/2021/TT-BQP ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Học viện Phòng không - Không quân (Mật)     | 30/11/2021                 |
| 26  | Thông tư         | 86/2014/TT-BQP<br>02/7/2014                    | Ban hành Chương trình khung đào tạo theo chức vụ cho các đối tượng của Học viện Hậu cần  | Được thay thế bằng Thông tư số 130/2021/TT-BQP ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung đào tạo theo chức vụ của Học viện Hậu cần (Mật)                  | 30/11/2021                 |
| 27  | Thông tư         | 91/2014/TT-BQP<br>02/7/2014                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Kỹ thuật công binh cho học viên Quân đội nhân dân Việt Nam, học viên Quân đội nhân dân Lào và học viên Quân đội Hoàng gia Campuchia | Được thay thế bằng Thông tư số 159/2021/TT-BQP ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Trường Sĩ quan Công binh (Mật)              | 22/01/2022                 |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-----|------------------|--|--|--|----------------------------|
| 28  | Thông tư         | 41/2016/TT-BQP<br>30/3/2016                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Kỹ thuật công binh cho học viên Quân đội nhân dân Việt Nam (hoàn thiện từ cao đẳng)   | Được thay thế bằng Thông tư số 159/2021/TT-BQP ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Trường Sĩ quan Công binh (Mật) | 22/01/2022                 |
| 29  | Thông tư         | 93/2014/TT-BQP<br>02/7/2014                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành chỉ huy - Tham mưu pháo binh (học viên Quân đội nhân dân Lào) và Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu pháo binh (học viên Quân đội Hoàng gia Campuchia) | Được thay thế bằng Thông tư số 145/2021/TT-BQP ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Trường Sĩ quan Pháo binh (Mật) | 02/01/2022                 |
| 30  | Thông tư         | 23/2015/TT-BQP<br>21/3/2015                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu pháo binh (hoàn thiện từ cao đẳng)   |  |                            |
| 31  | Thông tư         | 57/2016/TT-BQP<br>20/4/2016                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu pháo binh  |  |                            |
| 32  | Thông tư         | 12/2015/TT-BQP<br>31/12/2015                   | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành hậu cần quân sự (hoàn thiện từ cao đẳng)  | Được thay thế bằng Thông tư số 131/2021/TT-BQP ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Học viện Hậu cần (Mật)         | 30/11/2021                 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-----|------------------|--|--|---|----------------------------|
| 33  | Thông tư         | 71/2014/TT-BQP<br>27/6/2014                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học cho các đội tượng của Học viện Kỹ thuật quân sự   | Được thay thế bằng Thông tư số 146/2021/TT-BQP ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Học viện Kỹ thuật quân sự (Mật) | 02/01/2022                 |
| 34  | Thông tư         | 18/2015/TT-BQP<br>31/3/2015                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Chương trình khung giáo dục đại học ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông |   |                            |
| 35  | Thông tư         | 27/2016/TT-BQP<br>23/3/2016                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu thông tin (hoàn thiện từ cao đẳng)   | Được thay thế bằng Thông tư số 143/2021/TT-BQP ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Trường Sĩ quan Thông tin (Mật)  | 02/01/2022                 |
| 36  | Thông tư         | 28/2016/TT-BQP<br>23/3/2016                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu thông tin (hoàn thiện từ sĩ quan 03 năm)   |   |                            |
| 37  | Thông tư         | 73/2017/TT-BQP<br>02/7/2017                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu thông tin (hoàn thiện từ cao đẳng)   |   |                            |
| 38  | Thông tư         | 74/2017/TT-BQP<br>02/7/2017                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu thông tin (học viên Quân đội Hoàng gia Campuchia)  |   |                            |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-----|------------------|--|---|---|----------------------------|
| 39  | Thông tư         | 24/2016/TT-BQP<br>23/3/2016                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Kỹ thuật hóa học           | Được thay thế bằng Thông tư số 147/2021/TT-BQP ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Trường Sĩ quan Phòng hóa (Mật)                              | 01/01/2022                 |
| 40  | Thông tư         | 31/2016/TT-BQP<br>23/3/2016                    | Ban hành Chương trình khung đào tạo khung đào tạo trung (lữ), sư đoàn trưởng không quân | Được thay thế bằng Thông tư số 133/2021/TT-BQP ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung đào tạo trung (lữ), sư đoàn trưởng không quân (Mật)                              | 30/11/2021                 |
| 41  | Thông tư         | 53/2016/TT-BQP<br>20/4/2016                    | Ban hành Chương trình khung đào tạo khung đào tạo giảng viên tăng, thiết giáp           | Được thay thế bằng Thông tư số 160/2021/TT-BQP ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học và đào tạo giảng viên của Trường Sĩ quan Tăng, thiết giáp (Mật) | 22/01/2022                 |
| 42  | Thông tư         | 71/2017/TT-BQP<br>05/4/2017                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Kỹ thuật tăng, thiết giáp  |   |                            |
| 43  | Thông tư         | 75/2017/TT-BQP<br>05/4/2017                    | Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Chỉ huy - Tham mưu đặc công          | Được thay thế bằng Thông tư số 142/2021/TT-BQP ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung giáo dục đại học của Trường Sĩ quan Đặc công (Mật)                               | 01/01/2022                 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-----|------------------|--|--|--|----------------------------|
| 44  | Thông tư         | 154/2017/TT-BQP<br>26/6/2017                   | Ban hành Chương trình khung giáo dục đào tạo chính ủy trung, sư đoàn quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển  | Được thay thế bằng Thông tư số 68/2021/TT-BQP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình khung đào tạo theo chức vụ cho các đối tượng của học viện Chính trị (Mật) | 05/8/2021                  |
| 45  | Thông tư         | 22/2019/TT-BQP<br>08/3/2019                    | Quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường trong Quân đội  | Được thay thế bằng Thông tư số 59/2021/TT-BQP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường trong Quân đội               | 11/6/2021                  |
| 46  | Thông tư         | 28/2020/TT-BQP<br>10/3/2020                    | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BQP ngày 08/3/2019   |  |                            |
| 47  | Thông tư         | 64/2020/TT-BQP<br>30/5/2020                    | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BQP ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường trong Quân đội và Thông tư số 28/2020/TT-BQP ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BQP ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng |  |                            |

| STT                                   | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|---------------------------------------|------------------|--|---|---|----------------------------|
| <b>6. Lĩnh vực công tác đối ngoại</b> |                  |  |   |   |                            |
| 48                                    | Thông tư         | 88/2010/TT-BQP<br>02/7/2010                    | Ban hành Quy chế tổ chức, quản lý và phối hợp công tác đối ngoại quân sự  | Được thay thế bằng Thông tư số 152/2021/TT-BQP ngày 21/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/2016/NĐ-CP ngày 31/3/2016 của Chính phủ quy định về đối ngoại quốc phòng (Mật) | 05/01/2021                 |
| 49                                    | Thông tư         | 95/2015/TT-BQP<br>25/8/2015                    | Quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ký kết, gia nhập, thực hiện điều ước quốc tế; xây dựng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Quân đội nhân dân | Được thay thế bằng Thông tư số 105/2021/TT-BQP ngày 04/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc xây dựng, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Quân đội nhân dân  | 19/9/2021                  |
| <b>7. Lĩnh vực công tác tài chính</b> |                  |  |   |   |                            |
| 50                                    | Thông tư         | 39/2010/TT-BQP<br>10/5/2010                    | Quy định quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác và quản lý sử dụng quỹ xã hội, quỹ từ thiện, vốn khác của Bộ Quốc phòng                        | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng  | 14/02/2022                 |
| 51                                    | Thông tư         | 223/2017/TT-BQP<br>12/9/2017                   | Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc các nguồn vốn đầu tư trong Bộ Quốc phòng  |   |                            |
| 52                                    | Thông tư         | 78/2020/TT-BQP<br>23/6/2020                    | Quy định tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn cơ bản bộ binh; mức  | Được thay thế bằng Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021  | 31/01/2022                 |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|--|------------------|--|---|--|----------------------------|
|  |                  |  | tiền ăn quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn thêm ngày lễ, tết, khi làm nhiệm vụ và chế độ bồi dưỡng hàng năm (Mật) | của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản bộ binh, quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn thêm ngày lễ, tết, khi làm nhiệm vụ; chế độ an, bồi dưỡng hàng năm (Mật)  |                            |
| 53   | Thông tư         | 84/2018/TT-BQP<br>23/6/2018                    | Quy định chế độ ăn thêm diễn tập đối với các cơ quan, đơn vị trong Quân đội (Mật)   | Được thay thế bằng Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản bộ binh, quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn thêm ngày lễ, tết, khi làm nhiệm vụ; chế độ an, bồi dưỡng hàng năm (Mật) | 31/01/2022                 |
| <b>8. Lĩnh vực công tác kế hoạch và đầu tư</b> |                  |  |   |  |                            |
| 54   | Thông tư         | 101/2017/TT-BQP<br>27/4/2017                   | Quy định về phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong Bộ Quốc phòng  | Được thay thế bằng Thông tư số 128/2021/TT-BQP ngày 01/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư công trong Bộ Quốc phòng   | 16/11/2021                 |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|--|------------------|--|--|---|----------------------------|
| <b>9. Lĩnh vực công tác Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng</b> |                  |  |  |   |                            |
| 55   | Quyết định       | 45/2002/QĐ-BQP<br>21/3/2002                    | Ban hành 06 TCN 920:2001, Máy thu AR-7030 sau sửa chữa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra                                    | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng  | 14/02/2022                 |
| 56   | Quyết định       | 311/2003/QĐ-BQP<br>31/12/2003                  | Ban hành TQSA 987:2002, Máy thu IC-PRC sửa chữa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra   |   |                            |
| 57   | Thông tư         | 231/2010/TT-BQP<br>20/12/2010                  | Ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1223:2010, Mặt nạ phòng độc MV-5   | Được thay thế bằng Thông tư số 181/2021/TT-BQP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1223:2021, Mặt nạ phòng độc MV-5 (Mặt)   | 14/02/2022                 |
| 58   | Thông tư         | 215/2011/TT-BQP<br>20/12/2011                  | Quy định về dấu nghiệp vụ, quản lý và sử dụng dấu nghiệp vụ trong hoạt động kiểm định, thử nghiệm thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng | Được thay thế bằng Thông tư số 138/2021/TT-BQP ngày 25/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về dấu nghiệp vụ, quản lý và sử dụng dấu nghiệp vụ trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng | 10/12/2021                 |
| 59   | Thông tư         | 127/2012/TT-BQP<br>03/12/2012                  | Ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1563:2012, Xăng ô tô RON 83 - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử  | Được thay thế bằng Thông tư số 154/2021/TT-BQP ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban  | 21/01/2022                 |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực thi hành  | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|--|------------------|--|--|--|----------------------------|
|  |                  |  |  | hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1563:2021, Xăng ô tô RON 83 - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra   |                            |
| 60   | Thông tư         | 193/2014/TT-BQP<br>26/12/2014                  | Ban hành Tiêu chuẩn 1822:2014, Trang phục Dân quân tự vệ   | Được thay thế bằng Thông tư số 94/2021/TT-BQP ngày 16/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn 1822:2021, Trang phục Dân quân tự vệ                                      | 01/9/2021                  |
| 61   | Thông tư         | 32/2015/TT-BQP<br>09/4/2015                    | Ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1479:2015, Thiết bị chặn thu trình sát phát lệnh định hướng CH/CKT-804 | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng | 14/02/2022                 |
| <b>10. Lĩnh vực công tác công nghệ thông tin</b> |                  |  |  |  |                            |
| 62   | Thông tư         | 180/2013/TT-BQP<br>07/10/2013                  | Ban hành Quy định bảo mật, an toàn mạng máy tính quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam          | Được thay thế bằng Thông tư số 156/2021/TT-BQP ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định bảo mật thông tin trên mạng trong Bộ Quốc phòng (Mật)                              | 21/01/2022                 |
| <b>11. Lĩnh vực công tác thanh tra</b>           |                  |  |  |  |                            |
| 63   | Thông tư         | 30/2010/TT-BQP<br>24/3/2010                    | Quy định danh mục các nhóm ngành, ngành công tác và thời hạn                                       | Được thay thế bằng Thông tư số 80/2021/TT-BQP ngày 08/7/2021 của   | 25/8/2021                  |



| STT                                   | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|---------------------------------------|------------------|--|---|---|----------------------------|
|                                       |                  |  | định kỳ chuyển đổi chức danh đối với cán bộ, nhân viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam | Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ; quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng |                            |
| 64                                    | Thông tư         | 59/2016/TT-BQP<br>21/4/2016                    | Quy định tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng  | Được thay thế bằng Thông tư số 166/2021/TT-BQP ngày 16/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng   | 01/02/2022                 |
| <b>12. Lĩnh vực công tác pháp chế</b> |                  |  |   |   |                            |
| 65                                    | Thông tư         | 04/2019/TT-BQP<br>10/01/2019                   | Ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 của Bộ Quốc phòng    | Được bãi bỏ bởi Thông tư số 182/2021/TT-BQP ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng  | 14/02/2022                 |
| 66                                    | Thông tư         | 186/2019/TT-BQP<br>04/12/2019                  | Ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 của Bộ Quốc phòng    |   |                            |

| STT                                 | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực thi hành   | Ngày hết hiệu lực thi hành |
|-------------------------------------|------------------|--|---|---|----------------------------|
| <b>13. Lĩnh vực văn thư lưu trữ</b> |                  |  |   |   |                            |
| 67                                  | Thông tư         | 72/2011/TT-BQP<br>29/4/2011                    | Quy định bảo mật nội dung thông tin khi sử dụng phương tiện liên lạc tại quần đảo Trường Sa và DK1 (Mật)              | Được thay thế bằng Thông tư số 155/2021/TT-BQP ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy định bảo mật thông tin trên các vùng biển, đảo, nhà giàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (Mật)        | 21/01/2022                 |
| 68                                  | Thông tư         | 91/2012/TT-BQP<br>26/7/2012                    | Chương I, III, V và Mục 1, 2, 3, 4 Chương II, Quy chế về công tác văn thư, lưu trữ và bảo mật tài liệu trong Quân đội | Được thay thế bằng Thông tư số 80/2019/TT-BQP ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế về công tác văn thư, lưu trữ trong Bộ Quốc phòng  | 01/8/2019                  |
|                                     |                  |  | Chương IV   | Được thay thế bằng Thông tư số 166/2020/TT-BQP ngày 25/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Bộ Quốc phòng  | 10/02/2021                 |
|                                     |                  |  | Mục 5 Chương II Quy chế về công tác văn thư được thay thế bằng Thông tư   | Được thay thế bằng Thông tư số 125/2021/TT-BQP ngày 21/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định mẫu con dấu, tổ chức khắc dấu, đăng ký và quản lý, sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị các cấp trong Bộ Quốc phòng | 05/11/2021                 |



**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần**  
**thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng 6 tháng cuối năm 2021**  
*(Kèm theo Quyết định số 429 /QĐ-BQP ngày 11 /02/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

| STT                                   | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|---------------------------------------|------------------|--|---|--|-------------------|
| <b>1. Lĩnh vực công tác chính trị</b> |                  |  |   |  |                   |
| 1                                     | Thông tư         | Thông tư số 131/2011/TT-BQP ngày 15/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ trong Quân đội nhân dân Việt Nam                | - Khoản 3 Điều 4;<br>- Tên gọi Điều 5; khoản 3, 4 Điều 5;<br>- Bổ sung khoản 7 Điều 10;<br>- Điều 16. | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 167/2021/TT-BQP ngày 16/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng   | 28/01/2022        |
| <b>2. Lĩnh vực công tác hậu cần</b>   |                  |  |   |  |                   |
| 2                                     | Thông tư         | Thông tư số 296/2017/TT-BQP ngày 24/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng | - Điều 5;<br>- Khoản 3 Điều 11;<br>- Khoản 5 Điều 12  | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BQP ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trong Bộ Quốc phòng | 20/9/2021         |
| 3                                     | Thông tư         | Thông tư số 171/2017/TT-BQP ngày 24/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định kiểu mẫu, màu sắc  | - Khoản 1 Điều 11;<br>- Khoản 2 Điều 13;<br>- Khoản 1, khoản 2 Điều 14;                               | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 110/2021/TT-BQP ngày 23/8/2021 sửa đổi, bổ  | 08/10/2021        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-------------------|
|     |                  | trang phục nghiệp vụ cửa khẩu và tuần tra song phương của Bộ đội Biên phòng   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 15;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 16;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 17;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 18;</li> <li>- Khoản 2 Điều 19;</li> <li>- Khoản 2 Điều 20;</li> <li>- Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.</li> </ul> | sung một số Thông tư quy định về kiểu mẫu, màu sắc trang phục nghiệp vụ của các lực lượng trong Quân đội nhân dân Việt Nam   |                   |
| 4   | Thông tư         | Thông tư số 172/2017/TT-BQP ngày 24/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định kiểu mẫu, màu sắc trang phục nghiệp vụ công tác của lực lượng làm nhiệm vụ trên tàu mặt nước, tàu ngầm và trang phục dự lễ của hạ sĩ quan, binh sĩ Hải quân đối ngoại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 3;</li> <li>- Khoản 1 Điều 4;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 5;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 6;</li> <li>- Khoản 2 Điều 7;</li> <li>- Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.</li> </ul>   |  |                   |
| 5   | Thông tư         | Thông tư số 175/2017/TT-BQP ngày 24/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định kiểu mẫu, màu sắc trang phục nghiệp vụ canh gác và kiểm soát quân sự trong Quân đội   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm a khoản 1 Điều 6;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 16;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 17;</li> <li>- Khoản 1 Điều 19;</li> <li>- Khoản 2 Điều 24;</li> <li>- Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.</li> </ul>   | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 110/2021/TT-BQP ngày 23/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về kiểu mẫu, màu sắc trang phục nghiệp vụ của các lực lượng trong Quân đội nhân dân Việt Nam | 08/10/2021        |
| 6   | Thông tư         | Thông tư số 281/2017/TT-BQP ngày 03/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 3;</li> <li>- Khoản 1, khoản 2 Điều 4;</li> </ul>   |  |                   |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-------------------|
|     |                  | phòng quy định kiểu mẫu, màu sắc trang phục nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách chống khủng bố  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 5;</li> <li>- Khoản 2 Điều 6;</li> <li>- Khoản 2 Điều 8;</li> <li>- Khoản 2 Điều 9;</li> <li>- Khoản 2 Điều 12;</li> <li>- Khoản 2 Điều 14;</li> <li>- Khoản 2 Điều 15;</li> <li>- Khoản 2 Điều 17;</li> <li>- Khoản 2 Điều 18;</li> <li>- Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.</li> </ul> |   |                   |
| 7   | Thông tư         | Thông tư số 10/2019/TT-BQP ngày 22/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, chế độ quân nhu đối với lực lượng làm nhiệm vụ ở Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK, bảo vệ Thềm lục địa và xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào (Mật) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu đề Điều 10;</li> <li>- Sửa đổi khoản 3 Điều 10;</li> <li>- Bổ sung khoản 5 Điều 10.</li> </ul>  | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 72/2021/TT-BQP ngày 23/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục của Thông tư số 10/2019/TT-BQP ngày 22/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, chế độ quân nhu đối với lực lượng làm nhiệm vụ ở Quần đảo Trường Sa, Nhà giàn DK, bảo vệ Thềm lục địa và xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào (Mật) | 08/8/2021         |

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực   |
|--|------------------|---|--|---|---|
| <b>3. Lĩnh vực công tác kỹ thuật</b>                           |                  |   |  |   |   |
| 8  | Thông tư         | Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10;</li> <li>- Khoản 1 Điều 11;</li> <li>- Khoản 1 Điều 12;</li> <li>- Khoản 1 Điều 14;</li> <li>- Khoản 1 Điều 15;</li> <li>- Khoản 1 và 2 Điều 16;</li> <li>- Khoản 9, 10 và 11 Điều 21;</li> <li>- Khoản 1 Điều 22.</li> <li>- Bãi bỏ Điều 23</li> </ul> | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 137/2021/TT-BQP ngày 25/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng | 06/12/2021  |
| <b>4. Lĩnh vực công tác Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng</b> |                  |   |  |   |   |
| 9  | Quyết định       | Quyết định số 1736/QĐ-QP ngày 01/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn ngành:<br>1. 06 TCN 563:1996; Pháo tự hành CY 152mm. Yêu cầu kỹ thuật;<br>2. 06 TCN 564:1996; Pháo tự hành CY 122mm. Yêu cầu kỹ thuật;<br>3. 06 TCN 624:1997; Mỡ bảo quản MNI. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;<br>4. 06 TCN 625:1997; Mỡ bảo quản BQ-17. Yêu cầu kỹ thuật và phương | Bãi bỏ Tiêu chuẩn 06TCN 608:1997, đài dẫn bay gần PCBH-4H sau sửa chữa lớn   | Được thay thế bằng Thông tư số 88/2021/TT-BQP ngày 13/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 608:2021, Đài dẫn bay gần PCBH-4H sau sửa chữa lớn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra (Mật)  | 30/8/2021   |
|  |                  |   | - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra   | Bãi bỏ Tiêu chuẩn 06TCN 609:1997, Ra đa hạ cánh PCII-10 sau sửa chữa - Yêu  | Được thay thế bằng Thông tư số 89/2021/TT-BQP ngày 13/7/2021 của Bộ trưởng Bộ |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-------------------|
|     |                  | <p>pháp thử;</p> <p>5. 06 TCN 626:1997; Mỡ bảo quản MN 3 (Mỡ chịu khí hậu biển). Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;</p> <p>6. 06 TCN 664:1997; Thuốc phóng keo hai góc. Phương pháp thử trắc quang;</p> <p>7. 06 TCN 661:1997; Đạn lục quân. Định mức cất chứa trong nhà kho cấp chiến lược, chiến dịch;</p> <p>8. 06 TCN 654:1997; Pháo mặt đất. Phân cấp chất lượng;</p> <p>9. 06 TCN 655:1997; Pháo cao xạ. Phân cấp chất lượng;</p> <p>12. 06 TCN 608:1997; Đài dẫn bay gần PCBH - 4H sau sửa chữa lớn. yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;</p> <p>13. 06 TCN 609:1997 Ra đa hạ cánh PCΠ - 10 sau sửa chữa lớn. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra.</p> | <p>cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra</p>  | <p>Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 609:2021, Ra đa hạ cánh PCΠ-10 sau sửa chữa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra (Mật)</p>   |                   |
| 10  | Quyết định       | <p>Quyết định số 17/2003/QĐ-QP ngày 25/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn ngành:</p> <p>1. 06 TCN 924:2002, Tổ hợp tên lửa ПЕЧОРАС-125М. Bộ phóng 5Π73 sau sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;</p>   | <p>Bãi bỏ Tiêu chuẩn 06TCN 926:2002, Tổ hợp huấn luyện tên lửa phòng không АККОРД 5Г98 sau sửa chữa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra</p> | <p>Được thay thế bằng Thông tư số 90/2021/TT-BQP ngày 13/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 926:2021, Xe luyện tập và kiểm tra trắc thủ 5Г98 (АККОРД) sau sửa chữa -</p> | 30/8/2021         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-------------------|
|     |                  | <p>2. 06 TCN 925:2002, Tổ hợp tên lửa БОЛГА C-75M. Bộ phóng CM-90 sau sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;</p> <p>3. 06 TCN 926:2002, Tổ hợp huấn luyện tên lửa phòng không АККОРД 5Г sau sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;</p> <p>4. 06 TCN 927:2002, Xe nạp khí Nitơ YI3C-MA-131 sau sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;</p> <p>5. 06 TCN 928:2002, Đài đổi không P-845 sau sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra.</p> |   | Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra (Mật)  |                   |
| 11  | Quyết định       | <p>Quyết định số 23/2005/QĐ-QP ngày 16/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn quân sự cấp A:</p> <p>1. TQSA 1077:2004, Trạm khí nén YKC-400B-Π4 sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;</p> <p>2. TQSA 1078:2004, Xe nạp nhiên liệu T3A-7,5-5334 sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;</p> <p>3. TQSA 1079:2004, Tên lửa P-60MK sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và</p>   | Bãi bỏ Tiêu chuẩn TQSA 1080:2004, Đài hướng dẫn ΠAP-8CC sau sửa chữa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra | Được thay thế bằng Thông tư số 87/2021/TT-BQP ngày 13/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Tiêu chuẩn TCVN/QS 1080:2021, Đài hướng dẫn ΠAP-8CC sau sửa chữa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra (Mật) | 30/8/2021         |



| STT                                   | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|---------------------------------------|------------------|---|--|--|-------------------|
|                                       |                  | phương pháp kiểm tra;<br>4. TQSA 1080:2004, Đài hướng dẫn ΠΑΡ-8CC sửa chữa. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra;   |  |  |                   |
| 12                                    | Thông tư         | Thông tư số 317/2017/TT-BQP ngày 31/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về hoạt động giám định chất lượng hàng quốc phòng trong lĩnh vực quân sự quốc phòng  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 3 Điều 7;</li> <li>- Khoản 1, 3 Điều 19;</li> <li>- Khoản 1 Điều 21;</li> <li>- Điều 28;</li> <li>- Khoản 3 Điều 30</li> <li>- Bổ sung khoản 3 Điều 32</li> </ul> | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 112/2021/TT-BQP ngày 24/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 317/2017/TT-BQP ngày 31/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về hoạt động giám định chất lượng hàng quốc phòng trong lĩnh vực quân sự quốc phòng  | 11/10/2021        |
| <b>5. Lĩnh vực công tác tài chính</b> |                  |   |  |  |                   |
| 13                                    | Thông tư         | Thông tư số 149/2018/TT-BQP ngày 10/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo đối với học viên quân sự quốc tế trong thời gian học tập, tập huấn, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo của Quân đội | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm d khoản 2 Điều 5;</li> <li>- Khoản 2 Điều 6.</li> </ul>  | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản bộ binh, quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế; ăn thêm ngày lễ, tết, khi làm nhiệm vụ; chế độ an, bồi dưỡng hàng năm (Mật) | 31/01/2022        |